

78 tr 1/5

**DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH
HỆ KHÔNG TẬP TRUNG, KHÓA HỌC 2019 - 2020, MỞ TẠI HUYỆN KRÔNG PẮC**

Thi phần I.2: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Ngày thi: 06 tháng 9 năm 2019; Thời gian làm bài: 135 phút

Địa điểm thi : Trung tâm BDCT huyện Krông Pắc

SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
01	Phạm Thị Ngọc	Ánh	04/9/1989	02		30	75	Đầy, năm
02	Dương Kim	Bảo	01/01/1974	02		106	75	Đầy, đầy năm
03	Lâm Văn	Chung	07/10/1980	01		31	70	Đầy
04	Phạm Văn	Chương	19/8/1968	01		78	725	Đầy, đầy năm
05	Lê Ngọc	Chương	10/10/1974	02		68	75	Đầy, năm
06	Huỳnh Thị	Đào	26/05/1986	02		32	75	Đầy, năm
07	Nguyễn Thị	Dung	09/01/1969	02		77	75	Đầy, đầy năm
08	Trần Hùng	Dũng	24/7/1974	02		75	75	Đầy, đầy năm
09	Văn Công	Dũng	25/6/1980	02		76	75	Đầy, đầy năm
10	Ngô Quốc	Duy	02/09/1986	02		73	75	Đầy, năm
11	Lê Danh	Giáp	25/08/1984	02		9	80	Tam
12	Hoàng Thị	Hào	23/10/1982	02		33	75	Đầy, đầy năm
13	Lê Thị	Hoa	19/12/1985	03		20	825	Tam, đầy năm
14	Nguyễn Thị	Hòa	22/12/1987	02		40	75	Đầy, đầy năm
15	Võ Đức	Hòa	04/04/1979	01		61	70	Đầy
16	Trịnh Phúc	Hòa	11/7/1976	12		55	725	Đầy, đầy năm
17	Trần Quốc	Hoan	17/12/1981	02		59	70	Đầy
18	Nguyễn Huy	Hoàng	01/3/1972	02		45	75	Đầy, năm

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
19	Nguyễn Thị	Hồng	18/11/1969	2		56	775	Bảy, bảy năm
20	Ai	Hồng	16/3/1986			53	725	Bảy, bảy năm
21	Nguyễn Thị	Huệ	19/2/1969	2		52	80	Tám
22	Huỳnh Văn	Hùng	27/01/1963	2		17	725	Bảy, bảy năm
23	Nguyễn Khắc	Hùng	01/11/1971	2		13	725	Bảy, bảy năm
24	Nguyễn Thị Thu	Hương	03/7/1978	02		8	775	Bảy, bảy năm
25	Nhâm Thị Thanh	Hương	20/10/1978	02		1	775	Bảy, bảy năm
26	Hồ Quang	Huy	20/6/1983	02		3	725	Bảy, bảy năm
27	Nguyễn Bình	Huy	15/10/1980	02		71	775	Bảy, bảy năm
28	Nguyễn Thị Mai	Ka	06/01/1986	02		50	775	Bảy, bảy năm
29	H' Bách Niê	Kđăm	01/06/1982	02		28	725	Bảy, bảy năm
30		Khê	02/4/1985	02		23	725	Bảy, bảy năm
31	Triệu Thị Thúy	Kiều	09/12/1988	02		41	775	Bảy, bảy năm
32	Bùi Thị	Kim	15/5/1974	02		51	75	Bảy, bảy năm
33	Nguyễn Thị	Lanh	07/01/1984	02		60	775	Bảy, bảy năm
34	Lê Xuân	Lập	15/01/1976	02		24	75	Bảy, bảy năm
35	Nguyễn Thị	Liệu	06/8/1971	02		17	75	Bảy, bảy năm
36	Trần Văn	Linh	08/4/1974	02		29	75	Bảy, bảy năm
37	Nguyễn Thị Cẩm	Loan	19/4/1985	02		62	80	Tám
38	Võ Thanh	Lộc	10/01/1982	02		4	775	Bảy, bảy năm
39	Phạm Quang	Minh	21/9/1986	02		65	75	Bảy, bảy năm
40	Võ Văn	Minh	30/03/1975	02		70	75	Bảy, bảy năm
41	Nguyễn Thị	Minh	02/8/1985	02		49	80	Tám

	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
42	Y Grik	MIô	02/02/1984	01		34	70	Đầy
43	Trần Xuân	Nghĩa	13/4/1986	02		11	725	Đầy, hai năm
44	Đặng Thị Thanh	Nhàn	26/3/1980	02		51	75	Đầy, năm
45	Hồ Văn	Nhân	01/01/1986	32		69	75	Đầy, năm
46	Dương Thủy	Nhận	11/4/1978	02		6	725	Đầy, hai năm
47	Hùng Trịnh Minh	Nhật	28/3/1987	02		63	725	Đầy, hai năm
48	H Ma Đa La	Niê	19/4/1993	02		19	775	Đầy, bảy năm
49	Lý Thị	Nương	04/4/1988	02		14	775	Đầy, bảy năm
50	Trần Đức	Phong	10/11/1978	02		48	75	Đầy, năm
51	Nguyễn Hữu	Son	16/6/1974	02		16	725	Đầy, hai năm
52	Nguyễn Thị Thu	Sương	10/10/1971	02		2	725	Đầy, hai năm
53	Nguyễn Thành	Tân	06/6/1979	2		66	725	Đầy, hai năm
54	Nguyễn Tấn	Thắng	29/5/1970	2		7	75	Đầy, năm
55	Phan Thị	Thanh	07/6/1977	02		22	725	Đầy, hai năm
56	Nguyễn Trung	Thành	30/5/1971	02		37	75	Đầy, năm
57	Hồ	Thành	04/04/1969	02		36	75	Đầy, năm
58	Nguyễn Trung	Thành	28/10/1981	02		71	80	Tám
59	Nguyễn Thị	Thìn	24/4/1976	02		42	80	Tám
60	Nguyễn Hữu	Thùy	10/3/1977	02		25	725	Đầy, hai năm
61	Phan Thị Mỹ	Tiên	17/9/1996	02		35	775	Đầy, bảy năm
62	Võ Hữu	Tín	20/8/1984	02		10	725	Đầy, hai năm
63	Võ Thị Bích	Trâm	20/6/1991	02		67	75	Đầy, năm
64	Hồ Thị Thùy	Trâm	19/7/1985	02		45	775	Đầy, bảy năm

SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
65	Nguyễn Thị Thu Trang	14/9/1984	02		18	8,25	Tám, hai năm
66	Hoàng Hải Triều	09/10/1969	02		39	7,5	Bảy, năm
67	Võ Hữu Trung	02/8/1989	01		5	7,25	Bảy, hai năm
68	Lê Thanh Trung	17/06/1986	01		26	7,25	Bảy, hai năm
69	Cao Văn Tự	10/5/1968	02		14	7,25	Bảy, hai năm
70	Đặng Hữu Tự	02/5/1979	02		43	8,0	Tám
71	Trịnh Xuân Tuấn	20/12/1975	01		38	7,0	Bảy
72	Đào Hữu Tùng	11/4/1965	02		21	7,75	Bảy, bảy năm
73	Phùng Thị Ánh Tuyết	30/01/1974	02		57	8,0	Tám
74	Trần Thị Thu Vân	10/02/1981	03		72	8,0	Tám
75	Nguyễn Văn Việt	24/7/1987	01		12	7,25	Bảy, hai năm
76	Trần Thị Xuân	28/10/1976	02		27	8,0	Tám
77	Nguyễn Thành Xuân	25/3/1986	02		64	7,5	Bảy, năm
78	Trần Ngọc Yên	23/01/1984	02		58	7,25	Bảy, hai năm

Tổng số: 151 tờ / 78 bài

GIÁM THỊ 1

GIÁM THỊ 2

Ngày... 30... tháng... 9... năm 2019
NGƯỜI VÀO ĐIỂM

Ngày... 30... tháng... 9... năm 2019
NGƯỜI KIỂM TRA VÀO PHÁCH VÀ ĐIỂM

BAN GIÁM HIỆU



Ngô Sáu

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT VÀ NCKH

Ngô Hoàn Thu

TRƯỞNG KHOA

Đoàn Thị Mai